

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 39 CHƯA NỘP HỌC PHÍ
Học kỳ I năm học 2015-2016

TT	MSV	Họ và tên		Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền	Tổng tiền đã nộp	Chênh lệch	Ghi chú
1	390422	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	2,240,000	(160,000)	Chưa nộp
2	390713	Bùi Thị	Thúy	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	2,540,000	(20,000)	Chưa nộp
3	392014	Bàn Trung	Kiên	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	1,120,000	(1,440,000)	Chưa nộp
4	390239	Ma Seo	Kí	BT	14.00	0.00	0.00	2240000.00	0.00	0.00	2,240,000	1,320,000	(920,000)	Chưa nộp
5	392039	Trần ánh	Tuyết	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	2,240,000	(320,000)	Chưa nộp
6	390641	Đặng Thị Phương	Anh	BT	16.00	1.00	0.00	2560000.00	160000.00	0.00	2,720,000	2,560,000	(160,000)	Chưa nộp
7	391368	Lê Thu	Trang	BT	14.00	4.00	0.00	2240000.00	640000.00	0.00	2,880,000	2,720,000	(160,000)	Chưa nộp
8	392150	Lê Xuân Việt	Anh	CLC39	18.00	5.00	0.00	14040000.00	3900000.00	0.00	17,940,000	14,040,000	(3,900,000)	Chưa nộp
9	390140	Phạm Phương	Thảo	BT	14.00	0.00	0.00	2240000.00	0.00	0.00	2,240,000	-	(2,240,000)	Chưa nộp
10	390142	Phạm Thị Phương	Dung	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	-	(2,560,000)	Chưa nộp
11	390163	Hoàng Thủy	Tiên	BT	14.00	0.00	5.00	2240000.00	0.00	800000.00	3,040,000	-	(3,040,000)	Chưa nộp
12	390210	Phan Văn	Anh	BT	14.00	0.00	0.00	2240000.00	0.00	0.00	2,240,000	-	(2,240,000)	Chưa nộp
13	390216	Cần Thị Thúy	Nga	BT	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp
14	390233	Hoàng Thị	Phúc	BT	11.00	0.00	0.00	1760000.00	0.00	0.00	1,760,000	-	(1,760,000)	Chưa nộp
15	390236	Tô Đỗ Huy	Hoàng	MHP	14.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
16	390274	Triệu Viết	Cường	BT	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp
17	390310	Nguyễn Thủy	Linh	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	Chưa nộp
18	390505	Đặng Thị	Tinh	BT	13.00	0.00	0.00	2080000.00	0.00	0.00	2,080,000	-	(2,080,000)	Chưa nộp
19	390571	Thắm Thị	Mến	BT	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp
20	390606	Nguyễn Phạm Minh	Trang	BT	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp
21	390671	Giảng Thị Nhật	Lệ	CT	11.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
22	390725	Phạm Thị	Dịu	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	-	(2,560,000)	Chưa nộp
23	390837	Triệu Thị	Triển	BT	17.00	0.00	0.00	2720000.00	0.00	0.00	2,720,000	-	(2,720,000)	Chưa nộp
24	390916	Nguyễn Thị	Oanh	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	Chưa nộp
25	390941	Hàn Đức	Trung	MHP	17.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
26	390958	Lữ Đình Thu	Thủy	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	-	(2,560,000)	Chưa nộp
27	390966	Nguyễn Hoàng	Nam	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	Chưa nộp
28	390969	Và A	Chả	CT	13.00	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp

NHAM TK

NHAM TK

29	390974	Pờ Cổ	Thom	CT	15.00	3.00	0.00	0.00	480000.00	0.00	480,000	-	(480,000)	Chưa nộp
30	391010	Dương Thị Thanh	Hương	BT	14.00	0.00	0.00	2240000.00	0.00	0.00	2,240,000	-	(2,240,000)	Chưa nộp
31	391235	Liều Thành	Nam	BT	16.00	5.00	0.00	2560000.00	800000.00	0.00	3,360,000	-	(3,360,000)	Chưa nộp
32	391245	Nguyễn Thị Phương	Thảo	BT	19.00	0.00	0.00	3040000.00	0.00	0.00	3,040,000	-	(3,040,000)	Chưa nộp
33	391269	Đinh Thị Thu	Hà	CT	14.00	1.00	0.00	0.00	160000.00	0.00	160,000	-	(160,000)	Chưa nộp
34	391370	Nguyễn Minh	Ngọc	CT	17.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
35	391373	Bùi Văn	Thái	YCXH		0.00	5.00		0.00	1800000.00	8,280,000	-	(8,280,000)	Chưa nộp
37	391417	Lê Thị	Duyên	BT	17.00	4.00	0.00	2720000.00	640000.00	0.00	3,360,000	-	(3,360,000)	Chưa nộp
38	391439	Trần Thị Hạnh	Ngân	BT	16.00	6.00	0.00	2560000.00	960000.00	0.00	3,520,000	-	(3,520,000)	Chưa nộp
39	391473	Nguyễn Nam	Son	YCXH	18.00	0.00	0.00	6480000.00	0.00	0.00	6,480,000	-	(6,480,000)	Chưa nộp
40	391474	Nguyễn Văn	Tài	YCXH	19.00	0.00	0.00	6840000.00	0.00	0.00	6,840,000	-	(6,840,000)	Chưa nộp
41	391572	Hà Văn	Trụ	CT	14.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
42	391574	Lê Thành	Phuong	YCXH		4.00	0.00		1440000.00	0.00	7,200,000	-	(7,200,000)	Chưa nộp
44	391576	Đỗ Thành	Thắng	YCXH		5.00	0.00		1800000.00	0.00	7,920,000	-	(7,920,000)	Chưa nộp
45	391653	Nguyễn Thị Thủy	Anh	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	Chưa nộp
46	391660	Phạm Thị Hồng	Anh	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
53	391949	Phạm Thị Trà	Giang	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	Chưa nộp
54	392026	Đinh Thị Mai	Anh	BT	20.00	0.00	0.00	3200000.00	0.00	0.00	3,200,000	-	(3,200,000)	Chưa nộp
55	392033	Phùng Thị	Thoan	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
56	392260	Nguyễn Đức	Trung	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
57	392262	Trần Thị Hương	Giang	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	Chưa nộp
58	392522	Nguyễn Thị	Thảo	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
59	392744	Trương Ngọc	Hoa	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
60	392770	Lê Thị Hải	Yến	YCXH	12.00	0.00	0.00	4320000.00	0.00	0.00	4,320,000	-	(4,320,000)	Chưa nộp
61	392868	Phạm Phương	Anh	YCXH	12.00	0.00	0.00	4320000.00	0.00	0.00	4,320,000	-	(4,320,000)	Chưa nộp
62	392871	Văn Ngọc	Chinh	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
63	392874	Đinh Thủy	Hiền	BT	12.00	5.00	0.00	1920000.00	800000.00	0.00	2,720,000	-	(2,720,000)	Chưa nộp
64	392947	Đào Minh	Ngọc	BT	17.00	0.00	0.00	2720000.00	0.00	0.00	2,720,000	-	(2,720,000)	Chưa nộp
66	393129	Dương Thị	My	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	Chưa nộp
67	393150	Nông Trà	Giang	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	Chưa nộp
68	393159	Dương Tôn	Trọng	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	Chưa nộp
69	393162	Phạm Quế Hà	Vi	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	Chưa nộp

HET HAN